

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/02/2022

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Hùng Định và ông Phan Tính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Trịnh Duy Q** - sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Chị **Đỗ Thị Thu T** - sinh năm 1997; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ và đơn yêu cầu xử vắng mặt nguyên đơn anh Trịnh Duy Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 24/7/2017. Trong quá trình sống chung giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc. Hiện nay giữa anh và chị T không còn sống chung với nhau, không quan tâm nhau. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với chị T được nữa, hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân anh và chị T có 01 con chung tên Trịnh Thị Quỳnh C – sinh ngày 04/7/2017. Cháu C đang ở cùng chị T. Anh đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị T. Anh cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng

1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và đơn yêu cầu xử vắng mặt, bị đơn chị Đỗ Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh Q về tình trạng hôn nhân giữa anh chị, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh Q có 01 con chung tên Trịnh Thị Quỳnh C – sinh ngày 04/7/2017. Cháu C đang ở cùng chị. Chị có nguyện vọng nuôi con chung. Giữa chị và anh Q đã thống nhất: chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh Q cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Duy Q. Về hôn nhân: anh Q được ly hôn với chị T. Về con chung: giao cháu Trịnh Thị Quỳnh C cho chị Đỗ Thị Thu T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trịnh Duy Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Thị Thu T. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa anh Q và chị T xảy ra mâu

thuần, anh Q có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: anh Q và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 24/7/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp, anh Q đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử thấy giữa anh Q và chị T không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

Về con chung: anh Q và chị T có 01 con chung tên Trịnh Thị Quỳnh C – sinh ngày 04/7/2017. Cháu C đang ở cùng chị T. Chị có nguyện vọng nuôi con chung. Giữa chị và anh Q đã thống nhất: chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Q cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của các đương sự giao cháu Trịnh Thị Quỳnh C cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: anh Trịnh Duy Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Trịnh Duy Q được ly hôn với chị Đỗ Thị Thu T.

* Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Quỳnh C – sinh ngày 04/7/2017 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Q cấp dưỡng nuôi con

chung nuôi dưỡng con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

* Về án phí: anh Trịnh Duy Q phải chịu **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu **AA/2019/0004646** ngày 11/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

* Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. A (2);
- THADS h. A (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã H, huyện A (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương

